

HT Tiến Sĩ **Walpola Rahula**

Người dịch: Lê Kim Kha

NHỮNG ĐIỀU PHẬT ĐÃ DẠY

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

*Cho Mẹ, Ba, anh, chị, em còn sống và đã khuất
Sabbadanam dhammadanam jinati*

Món quà về Giáo Pháp là món quà cao quý nhất

Gia quyền Lê Kim Kha thành tâm ấn tống
Liên hệ: 0909503993

*Nguyện cho công đức pháp thí này được hồi hướng cho
những người thân đã khuất và chúng sinh!*

(Bản gốc Anh ngữ: *What The Buddha Taught*)

Người dịch giữ bản quyền bản dịch tiếng Việt. Bản dịch tiếng Việt này được người dịch in để ấn tống miễn phí và không được sao in để bán.

• Chúng tôi không ấn tống và không phát hành bản in năm 2013 do Nxb Tổng Hợp Tp.HCM cấp phép, vì sách có nhiều lỗi in sai.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời của người dịch</i>	9
<i>Lời tựa của Thượng Tọa Chaokhun, Phra Metheevorrayarn</i>	11
<i>Lời giới thiệu của giáo sư Paul Demie'ville</i>	13
<i>Lời nói đầu của tác giả.....</i>	17
<i>Bản Viết Tắt.....</i>	21
<i>Đức Phật</i>	23

Các đề-tài trong các Chương:

CHƯƠNG I

Thái Độ Tinh Thần Của Phật Giáo

Con người là thượng đẳng — Con người là nơi tương tựa của chính mình — Trách nhiệm — Sự nghi-ngờ — Sự tự do tư tưởng — Sự khoan dung — Phật giáo là một Tôn giáo hay một Triết lý? — Lẽ Thật không cần nhãn hiệu — Không phải là đức tin hay niềm tin mù quáng, mà là sự Thấy và Biết — Ngay cả Giáo Pháp cũng phải buông bỏ — Ví dụ về chiếc bè — Sự những vấn-đề do suy đoán chỉ là vô ích — Thái độ thực tế — Ví dụ về người bị trúng tên 25

CHƯƠNG II

TỨ DIỆU ĐẾ

Diệu Đế Thứ Nhất: Dukkha

(Khô)

Phật giáo không bi quan cũng không lạc quan, nhưng thực tế — Nghĩa của từ ‘Dukkha’ — Ba khía cạnh trải nghiệm — Ba khía cạnh của từ ‘Dukkha’ — Một ‘thực thể sống’ là gì? Một ‘con người’ là gì? — Năm Uẩn — Không có một linh-hồn là phần đối lại với sắc-thân — Dòng chảy liên tục — Người nghĩ và ý nghĩ — Sự sống có sự bắt đầu hay khởi thủy không? 53

CHƯƠNG III

Điều Đế Thứ Hai: Samudaya

(Nguồn Gốc Của Khổ)

Định nghĩa — Bốn loại dưỡng-chất (thức ăn)? — Góc rễ của sự-khổ và luân-hồi — Bản chất sinh-diệt — Nghiệp và Tái Sinh — Chết là gì? — Tái sinh là gì? 79

CHƯƠNG IV

Điều Đế Thứ Ba: Nirodha

(Sự Diệt Khổ)

Niết-bàn là gì? — Ngôn ngữ và Sự Thật Tuyệt Đối — Các định nghĩa Niết-bàn — Niết-bàn không phải là phủ định — Niết bàn là Sự Thật Tuyệt Đối — Sự Thật Tuyệt Đối là gì? — Sự thật thì không phải phủ định — Niết-bàn và Luân Hồi (samsara) — Niết-bàn không phải là một kết quả — Cái gì sau Niết-bàn? Những lý giải không đúng về Niết-bàn — Điều gì xảy ra với một A-la-hán sau khi chết? — Nếu không có ‘Bản Ngã’, ai chứng ngộ Niết-bàn? — Niết-bàn trong kiếp này 91

CHƯƠNG V

Điều Đế Thứ Tư: Magga

(Con Đường Dẫn Đến Sự Diệt Khổ)

Con đường Trung Đạo hay Bát Thánh Đạo – Từ bi và Trí tuệ – Hành vi Đạo Đức – Nguyên tắc về tâm – Trí tuệ – Hai loại Hiểu-biết – Bốn bốn phận cần làm theo Tứ Diệu Đế?..... 109

CHƯƠNG VI

Triết Lý ‘Vô-Ngã’ (Anatta)

Linh hồn hay Bản ngã là gì? – Thượng Đế và Linh hồn: Tự vệ hay Tự thủ? – Giáo Lý ‘Ngược dòng’ – Phương pháp Phân tích và Tổng hợp – Sự Khởi-Sinh Tùy Thuộc – Vòng Duyên Khởi – Vấn đề ‘Ý-Chí Tự do’? – Hai loại Sự-Thật – Một số quan-điểm sai lầm – Đức Phật nhất định phủ nhận ‘Bản Ngã’, cái ‘Ta’ – Sự im-lặng của Đức Phật – Ý tưởng về cái ‘Ta’ hay ‘bản ngã’ chỉ là sự sai lầm – Thái độ đúng đắn – Nếu không có ‘Bản Ngã’ (hay linh hồn), ai sẽ nhận lãnh kết quả của Nghiệp? – Triết Lý Vô-Ngã không phải là phủ định hay tiêu cực..... 121

CHƯƠNG VII

‘Thiền’: Tu Dưỡng Tâm (Bhavana)

Những quan-điểm sai lầm – Thiền không phải là chạy trốn khỏi cuộc sống – Hai dạng Thiền chính – Bốn Nền Tảng Chánh-Niệm (Tứ Niệm Xứ) – ‘Thiền’ Chánh-Niệm Hơi-Thở – Sự Chánh-Niệm trong sinh hoạt đời sống – Sống trong Thực Tại – ‘Thiền’ quán về những Cảm-giác – về Tâm – về Các Pháp..... 155

CHƯƠNG VIII

Những Điều Phật Đã Dạy & Thế Giới Ngày Nay

Những quan điểm sai lầm — Đạo Phật cho tất cả mọi người — Đạo Phật trong Đời sống hằng ngày — trong Cuộc sống gia đình và xã hội — Cuộc sống của Phật Tử tại gia cũng cao thượng — Làm cách nào để trở thành một Phật Tử — Những vấn đề về kinh tế và xã hội — Nghèo Đói: nguyên nhân Tội phạm trong xã hội — Sự Tiến bộ về vật chất và tinh thần — Bốn loại hạnh-phúc của đời sống Phật Tử tại gia — Bàn về vấn đề một đất nước, chiến tranh và hoà bình — Bất bạo lực — Mười nghĩa vụ một nhà Vua — Thông điệp của Đức Phật — Điều đó có thực tế không? — Ví dụ về nhà vua Phật tử Asoka — Mục-tiêu của Phật giáo 175

CHƯƠNG IX

Một Số Bài Kinh Điển Hình

— Sự Lưu Truyền Của Các Tạng Kinh Nguyên Thủy.....	199
— Kinh Chuyển Pháp Luân	203
— Kinh Lửa.....	209
— Kinh Pháp Cú	211
— Kinh Tâm Từ.....	231
— Kinh Điềm Lành	235
— Kinh Lời Khuyên Dạy Sigāla.....	239
— Kinh Ví Dụ Về Tám Vải.....	251
— Kinh Tất Cả Những Ô-Nhiễm.....	259
— Kinh Niệm Xứ (Satipathàna-sutta).....	275
— Những Lời Cuối Cùng Của Đức Phật	291

Lời người dịch

Tôi mang ơn những người thầy: HT. Thích Thanh Từ (TV Trúc Lâm Đà Lạt), thầy Khế Định, Bảo Tú (TV Trúc Lâm Chánh Giác, Lagi), thầy Thông Kim (TV Trúc Lâm Tiền Giang) nhờ những gặp gỡ và những lời giảng dạy của các thầy, tôi đã học được nhiều ý nghĩa tốt đẹp của Phật Pháp.

Nhiều lời cảm ơn cũng dành cho thầy Thích Trúc Thông Tịnh (TV Trúc Lâm Đà Lạt), thầy dành nhiều thời gian giúp đỡ tôi trong nhiều năm làm Phật sự, ấn tống kinh sách, và khích lệ tôi nỗ lực chuyển dịch các kinh sách ra tiếng Việt phổ thông, và thầy cũng giúp đọc lại bản thảo của quyển sách này.

Cảm ơn các Phật tử Nguyễn Thị Thu Nga, Ngô Đức Lâm, Lê Hoàng Phi, Nguyễn Thị Thu Nga, Lê Kim Hân trong thời gian đầu đã giúp tôi trong việc đánh máy, hiệu chỉnh bản dịch.

Và tất cả về sau, cảm ơn anh HUỖNH VĂN THỊNH, người đã bỏ ra rất nhiều thời gian và công sức để chế bản vi tính và hoàn thiện bản in của *tất cả* các sách và các bộ kinh.

Đà Lạt, cuối Đông năm Canh Dần

Lê Kim Kha

(Hiệu đính và in lại 2020)

Lời Tựa

“*Những Điều Phật Đã Dạy*” là một trong những quyển sách nói về Phật học bán chạy nhất ở các nước phương Tây, được dịch ra nhiều thứ tiếng và được tái bản nhiều lần kể từ khi nó được xuất bản đầu tiên vào năm 1958 tại London.

Quyển sách thích hợp cho mọi người thuộc nhiều trình độ kiến thức khác nhau về Phật học. Nó gồm những chương viết về Tứ Diệu Đế, Thiền Phật giáo, Triết lý Vô Ngã, các phương pháp Thiền trong cuộc sống... và các bản dịch của một số kinh nguyên thủy, ghi lại những lời dạy của Đức Phật. Tôi tin chắc rằng “*Những Điều Phật Đã Dạy*” là một quyển sách tham khảo cực kỳ giá trị cho bất cứ ai quan tâm và muốn biết về Phật giáo. Bất kể người đã theo học Phật từ lâu, thì người đó sẽ luôn khám phá ra điều mới mẻ hoặc bổ sung một cách thỏa mãn hơn những kiến thức về Phật học mà người ấy đã học trước đó.

Nhiều người phương Tây viếng thăm Thái Lan, miền đất của những Chùa chiền xinh đẹp hoặc đến những nước phương Đông khác cũng sẽ tìm thấy quyển sách này là một quyển sách lý tưởng để họ đọc và tìm hiểu về Phật giáo.

Câu mong cho Chân Lý được thấy bởi mọi người.

*Thượng tọa Chaokhun
Phra Metheevorrayarn
Chùa Wat Raja-o-rasaram,
Chomthong (Bangkhutien),
Bangkok.*

Lời Giới Thiệu

của Giáo sư Paul Demieville
Thành viên Viện Hàn Lâm Pháp Quốc
Giáo sư trường Đại Học Pháp Quốc
Giám đốc Khoa Nghiên Cứu Phật-học,
trường Cao học (Paris)

Quyển sách này trình bày về Phật giáo bằng một tinh thần hiện đại bởi một trong những đại diện uyên bác của Phật giáo.

Hoà thượng Tiên sĩ Wapola Rahula đã tu học tại Tích-Lan và đã từng giữ những chức vụ quan trọng trong một tu viện hàng đầu (Tu viện Pirivena) ở đảo quốc này, nơi mà Giáo Pháp của Đức Phật đã được truyền bá vào thời vua Asoka (A-dục) và được giữ nguyên bản sắc của truyền thống đó cho đến tận hôm nay. Dù vậy, sau khi được trưởng thành trong truyền thống tu học đó, để thích ứng với yêu cầu đối diện với tinh thần mới và những phương pháp nghiên cứu mang tính khoa học của quốc tế, Ngài theo học ở trường đại học Tích Lan, rồi lấy bằng Cử Nhân Danh Dự (ở London), và sau đó lấy bằng Tiên sĩ Triết học tại Đại học Tích Lan với luận án uyên thâm về “*Lịch Sử Phật Giáo Tích Lan*”.

Ngài đã làm việc cùng với những giáo sư danh tiếng ở Đại học Calcutta, Ấn Độ và có tiếp cận mật thiết với Phật giáo Đại Thừa, vốn là trường phái Phật giáo hiện hành từ Tây Tạng đến các nước Viễn Đông. Ngài đã quyết định đi vào nghiên cứu qua kinh văn hệ Tây Tạng và Trung Hoa để mở rộng tầm hiểu biết thấu đáo của mình. Và chúng tôi được vinh dự có ngài trong trường Đại Học Paris (Sorbonne) của chúng tôi để thực hiện một nghiên cứu về Ngài Asanga (Vô Trước) - nhà triết học nghiên cứu lỗi lạc của Phật giáo Đại Thừa vốn được truyền tụng bằng tiếng Phạn mà những tác phẩm chính bằng tiếng Phạn đã bị thất lạc, và do vậy phải thực hiện

việc nghiên cứu thông qua những bản dịch bằng tiếng Tây Tạng và Trung Hoa.

Từ đó đến nay (1958) đã tám năm kể từ khi tiến sĩ Rahula đến với trường chúng tôi, trong cà-sa y vàng, hít thở không khí ở Trời Tây, sưu tầm nghiên cứu trong “ngàn năm gương cũ soi Kim Cổ” để tìm trong dòng “gương cũ” đó những ánh sáng phản chiếu bao trùm của Phật pháp.

Quyển sách này, Ngài nhờ tôi phổ cập ra các nước phương Tây, là một tác phẩm trình bày sáng tỏ về những nguyên lý căn bản và cốt lõi của học thuyết Phật giáo vốn được tìm thấy trong các Bộ Kinh *Nikaya* thuộc Ba Rõ Kinh (*Tipitaka*) bằng tiếng Pāli¹ (của Phật Giáo Nguyên Thủy) và trong bộ ‘A Hàm’ (*Agama*) bằng tiếng Phạn² (của Phật Giáo Đại Thừa), và Tiến sĩ Rahula là người có kiến thức vô song về những tạng kinh nguyên thủy này.

Phật giáo đã được lưu truyền và diễn dịch khác nhau qua nhiều thế kỷ và nhiều vùng rộng lớn khác nhau. Nhưng Phật giáo ở đây được trình bày bởi Tiến sĩ Rahula trong quyển sách này – đầy tính nhân văn, hợp lý và rất khoa học – được củng cố vững chắc bởi rất nhiều bằng chứng chính thống của các kinh tạng nguyên thủy, đã tự nói lên tất cả, cứ như Ngài chỉ đọc lại giùm chúng ta nghe mà thôi.

Khi giảng giải về những trích dẫn, Ngài luôn diễn dịch nghĩa từ và nghĩa ý một cách chính xác, rất rõ ràng, đơn giản, trực tâm và

¹ Gồm 05 bộ kinh *Nikaya* là: *Bộ Kinh Dài* (Trường Kinh Bộ, **DN**), *Bộ Kinh Trung* (Trung Kinh Bộ, **MN**), *Bộ Kinh Tăng Chi* (Tăng Chi Kinh Bộ, **AN**), *Bộ Kinh Liên-Kết* (Tương Ứng Kinh Bộ, **SN**), và *Bộ Kinh Ngắn* (Tiểu Kinh Bộ, **Kh**).

² Gồm 04 bộ là: Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tăng Nhất A Hàm, và Tạp A Hàm.

không hề làm ra vẻ thông thái, khách sáo. Một số giảng giải có thể dẫn đến thảo luận thêm, đó là lúc mà Ngài muốn tìm ra lại từ trong kinh điển nguyên thủy Pāli tất cả những triết lý của Phật giáo Đại thừa. Và sự biết rành về nguồn kinh tạng Pāli này đã giúp Ngài mang lại một nguồn ánh sáng mới cho việc làm đó.

Ngài thể hiện mình là một người hiện đại, nhưng ngài cố gắng tránh những so sánh đối đãi này nọ với các dòng tư tưởng khác của thế giới đương đại.

Xin dành cho độc giả sẽ đánh giá tính hiện đại, khả năng ứng dụng của một học thuyết (Phật giáo) từ tác phẩm học thuật này của Ngài, với những giảng giải giàu tính nguyên thủy nhất mà Ngài đã trình bày.

Giáo sư Paul Demieville

Lời Mở Đầu

Cả thế giới hôm nay ngày càng quan tâm đến Phật giáo. Nhiều trường lớp và nhóm nghiên cứu đã hình thành và nhiều số lượng sách về Phật giáo đã xuất hiện.

Tuy nhiên, điều đáng tiếc là những quyển sách được viết bởi những người không thực sự có đủ năng lực, hoặc có những người đưa vào trong tác phẩm của mình những nhận định từ những tôn giáo khác gây ra những sai lạc. Chẳng hạn có một giáo sư vừa mới viết một quyển sách về Phật giáo nhưng ông ta thậm chí không biết được Ānanda, người thị giả thân cận của Đức Phật, là một Tỳ kheo (tu sĩ), mà cho rằng Ānanda là một cư sĩ! Kiến thức về Phật giáo được truyền bá trong những quyển sách loại này xin để cho độc giả tự tưởng tượng là ra sao.

(1) Tôi đã cố gắng viết quyển sách bé nhỏ này để gửi chung tới nhiều độc giả đã có học vấn và trí thức nhưng chưa có được hiểu-biết đặc biệt gì về Phật giáo và đang muốn biết những điều Phật đã dạy **thực sự** là gì. Và vì lợi ích của những độc giả này, tôi cố gắng trình bày các đề tài một cách trung thành và chính xác những ngôn từ **thực sự** đã được dùng bởi Đức Phật, một cách ngắn gọn, trực tiếp và giản dị nhất, y hệt như chúng đã được ghi lại trong *Tam Tạng Pāli (Tipitaka)* mà các học giả đều công nhận là những ghi-chép cổ xưa nguyên thủy nhất của về những lời-dạy của Đức Phật. Những trích dẫn ở trong quyển sách này được lấy trực tiếp từ những tạng kinh nguyên thủy đó. Chỉ có vài chỗ khác, tôi cũng tham chiếu trích dẫn thêm từ trong những trước tác ra đời sau các tạng kinh gốc.

(2) Tôi cũng nghĩ đến những độc giả vốn đã có được một số hiểu-biết về những điều Phật dạy và đang muốn đi sâu hơn nữa để

hỏi hiểu nhiều thêm. Vì vậy, tôi cũng cung cấp đính kèm không chỉ các những “*thuật ngữ*” chính bằng tiếng Pāli, mà còn thêm phần tham khảo nguyên văn dưới phần “*Chú Thích*” ở cuối trang (và một thư mục những sách chọn lọc để tham khảo về Phật học).

Khó khăn của tôi cũng có nhiều thứ: trong suốt quyển sách, tôi đã cố gắng trình bày sao cho những người còn xa lạ và những người đã quen thuộc (với Phật giáo), làm cho các độc giả hiện đại hiểu được và hiểu đúng, mà không phải làm mất đi bất kỳ ý nghĩa và hình thức nào của các bài giảng của Đức Phật.

Khi viết quyển sách này, các bài kinh cổ xưa cứ trôi chảy trong tâm trí tôi, tôi rất thận trọng giữ nguyên vẹn các từ đồng nghĩa và các ngôn từ điệp khúc, vốn là một phần của các lời thuyết pháp của Đức Phật đã được truyền miệng đến chúng ta ngày hôm nay; mục đích là để cho độc giả mừng tượng được cách thuyết giảng mà Đức Phật đã hay sử dụng. Tôi cố gắng giữ nghĩa dịch gần sát nghĩa như văn bản gốc của kinh nguyên thủy; và cố gắng làm cho các câu từ được trích dịch trở nên dễ dàng và dễ đọc.

(3) Nhưng một điều nữa là rất khó để trình bày một ý tưởng, ý nghĩa mà không làm mất đi ít nhiều sự dung dị giản dị của một số nghĩa riêng biệt mà Đức Phật đã muốn khai giảng như vậy. Giống như tựa sách thì chọn ghi là “*Những Điều Phật Đã Dạy*”, tôi cảm thấy thật sai trái nếu không trích dẫn ra những từ ngữ và cả những hình ảnh minh họa mà Đức Phật đã dùng để giảng dạy, hơn là chỉ ưu tiên diễn dịch với một sự hài lòng nào đó mà vẫn còn rủi ro là làm sai lệch ý nghĩa thật sự.

Tôi đã trình bày trong quyển sách này *hầu hết những điều giáo lý* đã được khắp nơi chấp nhận là những *giáo pháp cốt lõi và nền tảng của Đức Phật*. Đó là các học thuyết về *Tứ Diệu Đế*, về *Bát*

Thánh Đạo, về Năm Uẩn, về Nghiệp, về Tái Sinh, về Sự Khởi-Sinh Tùy Thuộc (Paticcasamuppada), về Thuyết Vô-Ngã (Anatta), về Bốn Nền Tảng Chánh-Niệm (Satipatthana, Tứ Niệm Xứ).

Lẽ tự nhiên là có những điểm đạt khó mà quen thuộc đối với những độc giả phương Tây. Tôi xin gợi ý rằng nếu là một độc giả phương Tây, người ấy nên bắt đầu bằng Chương I, rồi đọc qua các Chương V, VII, VIII, và rồi sau đó quay trở lại Chương II, III, IV và VI sau khi các định nghĩa chung đã được làm rõ và sống động hơn.

(4) Một điều nữa là: không thể nào viết một quyển sách về những lời Phật đã dạy mà không đưa ra được những “*chủ-đề giáo lý*” mà ***cả hai*** trường phái là Phật giáo Nguyên Thủy (*Theravada*) và Phật Giáo Đại Thừa (*Mahayana*) ***đều*** chấp nhận đúng là nền tảng tư tưởng của mình.

Theravada-Hinayana (*Chiếc Xe Nhỏ-Tiểu Thừa*) không còn được dùng nữa mà được gọi là trường phái *Trường Lão Bộ* (Thera) và Phật Giáo Đại Thừa (*Chiếc Xe Lớn*) là hai trường phái lớn nhất của Phật Giáo ngày nay.

Theravada hay *Trường Lão Bộ* được coi là Phật Giáo nguyên thủy *chính thống*, được phát triển ở các nước Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Campuchia, Lào và Chittagong ở miền Đông Pakistan. *Phật Giáo Đại Thừa* được phát triển sau này và được thịnh hành rộng rãi ở các quốc gia Phật Giáo khác như Trung Quốc, Nhật Bản, Tây Tạng, Việt Nam, Triều Tiên... Có những khác biệt giữa hai trường phái, chủ yếu là về một số niềm tin, cách tu tập và nghi thức (về giới luật và lễ nghi), tuy nhiên *những giáo pháp quan trọng được đề cập và bàn luận trong quyển sách này đều được hai trường phái Phật giáo Nguyên Thủy và Phật giáo Đại Thừa cùng đồng ý.*

Còn một điều tôi cần làm là nói lời cảm tạ đến Giáo sư E.F.C.Ludowyk, là người đã mời tôi viết quyển sách này, vì tất cả những sự giúp đỡ mà ông đã dành cho tôi, vì những sự quan tâm và những gợi ý ông dành cho quyển sách, và cũng nhờ ông đã dành thời gian để đọc lại bản thảo của tôi. Lời cảm tạ sâu sắc cũng dành cho cô Miss Marianne Mohn, người đã đọc hết bản thảo và đưa ra những gợi ý hiệu chỉnh quý giá. Cuối cùng, tôi thật sự mang ơn Giáo sư Paul Demieville, người thầy của tôi ở Paris, đã viết “*Lời Tạ*” tốt đẹp cho quyển sách này .

Wapola RAHULA

Paris, Tháng Bảy, 1958

BẢNG VIẾT TẮT

(Tên các Kinh & Luận giảng được trích dẫn)

A:	<i>Anguttara-Nikāya</i> (Tăng Chi Kinh Bộ), bản in của <i>Devamitta Thera</i> , nxb Colombo, 1929 và bản in Hội Kinh Điển Pāli – PTS.
Abhisamuc:	<i>Abhidharma-Samuccaya</i> (A-tĩ-đạt-ma Tập Luận) của ngài <i>Asanga</i> (Vô Trước)
D:	<i>Dīgha-Nikāya</i> (Trường Bộ Kinh), bản in <i>Nārāvāsa Thera</i> , nxb Colombo, 1929.
DA:	<i>Dīgha-Nikāyatthakathā</i> (Luận Giảng Trường Bộ Kinh), bản in <i>Sinmon Hewavitarne Bequest Series</i> , nxb Colombo.
Dhp:	<i>Dhammapada</i> (Kinh Pháp Cú), bản in <i>K. Dhammaratana Thera</i> , nxb Colombo, 1926.
DhpA:	<i>Dhammapada Atthakathā</i> (Luận Giảng Kinh Pháp Cú), bản in của PTS.
Dhs:	<i>Dhammasangani</i> (Bộ Pháp Tụ), bản in của PTS.
Lanka:	<i>Lankāvatāra</i> (Kinh Lăng Già), bản in của <i>Nanjio</i> , Kyoto, 1923.
M:	<i>Majjhima-Nikāya</i> (Trung Kinh Bộ), bản in của PTS).
MA:	<i>Majjhima-Nikāyatthakathā, Papāncasūdanī</i> (Luận Giảng Trung Kinh Bộ), bản của PTS.
Madhyakāri:	<i>Mādhiamyka-Kārikā</i> (Trung Quán Luận) của ngài Long Thọ, bản in của <i>L.de la Valle'e Poussin</i> (<i>Bib. Budd. IV</i>).
Mh-Sūtrāṅkārā:	<i>Mahāyāna-sūtrāṅkārā</i> (Đại Thừa Nhập Lăng Già), của ngài Vô Trước, bản in nxb Paris, 1907).

Mhvg:	<i>Mahāvagga</i> (Đại Phẩm) thuộc <i>Luật Tạng</i> , bản in của <i>Saddhātissa Thera</i> , nxb <i>Alugama</i> , 1922.
PTS:	<i>Pāli Text Society</i> (Hội Kinh Điển Pāli ở London, Anh Quốc).
Prmj:	<i>Paramatthajotikā</i> , bản in của <i>PTS</i> .
S:	<i>Samyutta-Nikāya</i> (Bộ Kinh Liên Kết; Tương Ưng Kinh Bộ) bản in của <i>PTS</i> .
Sārattha:	<i>Sāratthappakāsinī</i> (Hiển Dương Tâm Nghĩa Luận), bản in của <i>PTS</i> .
Sn:	<i>Suttanipāta</i> (tập Kinh Tập), bản in của <i>PTS</i> .
Ud:	<i>Udāna</i> (tập kinh Phật Tự Thuyết), bản in nxb <i>Colombo</i> , 1929.
Vibh:	<i>Vibhanga</i> (Bộ Phân Tích, là bộ thứ hai trong 7 bộ của Vi Diệu Pháp Tạng— <i>Abhidhamma</i>), bản in của <i>PTS</i> .

ĐỨC PHẬT

Đức Phật, tên tục danh là Siddhatha (Tất-Đạt-Đa; Phạn: Siddhartha) và họ là Gotama (Cồ-Đàm; Gautama) sinh trưởng ở vùng Bắc Ấn Độ vào thế kỷ thứ 6 trước Công Nguyên.

Cha của Phật là vua Suddhodana (Tịnh Phạn) là người trị vì vương quốc của dòng họ Thích-Ca (Sakya, thuộc nước Nepal ngày nay). Mẹ của Phật là Hoàng hậu Maya Devi. Theo phong tục truyền thống thời bấy giờ, Người kết hôn lúc còn rất trẻ, năm 16 tuổi, với công chúa Yasodhara (Da Du Đà La) xinh đẹp và đức hạnh. Thái tử sống trong cung điện khuôn vàng, thước ngọc. Nhưng rồi một ngày, sau khi chứng kiến sự-thật của cuộc sống và sự đau-khổ của con người, Thái tử đã quyết định đi tìm giải pháp - con đường giải thoát khỏi sự khổ-đau của thế gian. Vào tuổi 29, ngay sau khi con trai Rahula (La-Hầu-La) ra đời, Thái tử đã rời bỏ hoàng cung và trở thành một tu sĩ khổ hạnh với hy vọng tìm ra con đường giải thoát.

Sáu năm trời, tu sĩ khổ hạnh Cồ-Đàm (Gotama) lang thang khắp các thung lũng sông Hằng, gặp gỡ tất cả các vị đạo sư, học tập và tu tập theo phương pháp hành xác khổ hạnh của họ. Nhưng những sự tu khổ hạnh đó không làm hài lòng mục đích của vị khổ sĩ. Vì vậy, Người từ bỏ tất cả những giáo phái và những cách tu tập truyền thống đó và tự đi tìm con đường riêng cho mình.

Vào một buổi tối, ngồi dưới một gốc cây (từ đó, cây này được gọi là *Cây Bồ-Đề* hay “Cây Trí Tuệ”) bên bờ sông Niranjara (Ni-liên-thuyền) ở gần Buddha-Gaya (tức Bồ-Đề Đạo Tràng, gần Gaya, bang Bihar ngày nay của Ấn Độ). Năm đó 35 tuổi, Người đã giác ngộ thành đạo. Kể từ sau đó Người được gọi là Phật, có nghĩa là “*Người Giác Ngộ*”.

Sau khi Giác Ngộ, Đức Phật Cồ-Đàm nói bài thuyết giảng đầu tiên cho nhóm năm anh em người bạn tu khổ hạnh xưa khi họ đang ở khu Vườn Nai ở Isipatana (thuộc Sarnath ngày nay), gần Benares (Ba-la-nại). Từ đó và suốt 45 năm sau, Đức Phật đã thuyết giảng cho tất cả mọi người, nam nữ, từ các vua chúa cho đến bần nông, từ các bà-la-môn cho đến kẻ vô lại, từ những tài phiệt giàu có cho đến kẻ ăn mày, từ thánh nhân cho đến những phường trộm cướp – mà không hề có một chút phân biệt nào đối với bất cứ ai. Phật nhận ra rằng họ không có bất kỳ sự khác-nhau nào giữa những giai-cấp khác nhau về sự tu-tập hay giác-ngộ, và *Con Đường Thánh Đạo* được Phật khai mở cho tất cả mọi người, bất kỳ ai muốn tìm hiểu và tu tập theo con đường đó.

Đến năm 80 tuổi, Đức Phật từ giã trần gian tại Kusinaga, thuộc tỉnh Utta Pradesh của Ấn Độ ngày nay.

Ngày nay, Phật giáo có mặt ở các nước Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Cam-pu-chia, Lào, Việt Nam, Tây Tạng, Trung Hoa, Nhật Bản, Mông Cổ, Đài Loan và một số vùng thuộc Ấn Độ, Pakistan và Nepal, và một số vùng thuộc Liên-Sô cũ. Dân số theo Phật Giáo khoảng hơn 500 triệu người (con số ước lượng vào năm 1958 khi tác giả viết quyển sách này).³

³ Thống kê này có thể đã dựa vào số lượng Phật tử theo và thực hành đạo Phật một cách thường xuyên trong đời sống hàng ngày của họ. Ví dụ như hơn 90% dân số ở Thái Lan, Lào, Tích Lan, Miến Điện là những Phật tử thuần hành. Trong khi đó, ví dụ, rất nhiều người ở Việt Nam và đông Á (như Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan) khi được hỏi đều nói là theo đạo Phật, nhưng đa số họ không phải là những Phật tử thực hành đạo Phật trong đời sống hàng ngày.